| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ HUẾ**<br>**TỈNH THỪA THIÊN HUẾ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số**: 09/**2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18/6/2019
*V/v "Ly hôn"*

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Huế.

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Huỳnh Quang Vũ và bà Nguyễn Thị Bích Tuyết.

***-Thư ký phiên toà*:** Bà Huỳnh Thị Thanh Thuý, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Phương Hồng, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế (số 60 Nguyễn Huệ - Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 684/2018/TLST-HNGĐ ngày 20/12/2018; Về việc " Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐST- HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên toà số: 121/2019/QĐST- HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1991. Nơi cư trú: 22 đường C, phường P, thành phố Huế, có mặt.

*Bị đơn*: Anh Đinh Văn Q, sinh năm 1986. Nơi cư trú: 22 đường C, phường P, thành phố Huế, vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ngày 28/9/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Đ đều trình bày:*

Chị và anh Đinh Văn Q đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố Huế vào ngày 09/9/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau ở nhà bố mẹ anh Q tại 22 đường C, phường P, thành phố Huế. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 4 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Q không lo làm ăn, suốt ngày đi chơi, không quan tâm gì đến vợ nên từ tháng 02 năm 2018 cho đến nay thì vợ chồng chị sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị khởi kiện xin ly hôn anh Q để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị Đ xác định chị và anh Q không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ xác định chị và anh Q không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 21/5/2019, bị đơn anh Đinh Văn Q trình bày: Do vợ chồng anh chưa giải quyết một số việc trong gia đình nên anh không đồng ý việc chị Đ xin ly hôn anh.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Đinh Văn Q không đến Toà án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Tại phiên toà, anh Q vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

*Tại bản tự khai ngày 17/4/2019, bà Nguyễn Thị T (mẹ của chị Nguyễn Thị Đ) trình bày:* Sau khi kết hôn, vợ chồng chị Nguyễn Thị Đ và anh Đinh Văn Q sống tại nhà bố mẹ anh Q tại 22 đường C, phường P, thành phố Huế. Qúa trình vợ chồng chị Đ anh Q chung sống với nhau phát sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Q ham chơi, không chịu làm ăn và không quan tâm đến vợ nên từ tháng 2/2018, do bất mãn với cuộc sống như vậy nên con gái bà đã bỏ về chung sống với gia đình bà tại Tổ dân phố T, phường H, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị Đ bỏ về nhà cha mẹ sống đã hơn một năm nay nhưng giữa hai vợ chồng cũng không liên lạc gì với nhau chứng tỏ tình cảm không còn. Nay chị Đ xin ly hôn anh Q thì bà đề nghị Toà án giải quyết cho chị Đ được ly hôn anh Q.

*Qua xác minh, chính quyền địa phương phường P, thành phố Huế cho biết:* Chị Nguyễn Thị Đ và anh Đinh Văn Q đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố Huế vào ngày 09/9/2016. Về mâu thuẫn giữa vợ chồng anh Q chị Đ thì địa phương không nắm rõ. Nhưng hiện nay chị Đ không còn chung sống với anh Q tại 22 đường C, phường P, thành phố Huế. Anh Q và chị Đ không có con chung. Nay chị Đ xin ly hôn anh Q thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xin ly hôn anh Đinh Văn Q.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật , đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế có ý kiến:

[1] Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán , Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quyền và nghĩa vụ của bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã không thực hiện đúng các quy định tại khoản 16 Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Quan điểm giải quyết vụ án*:* Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 5, 51, 56, 57 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận đơn ly hôn của chị Nguyễn Thị Đ. Cho chị Đ được ly hôn với anh Đinh Văn Q.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không yêu cầu Toà án giải quyết nên Viện kiểm sát không xem xét.

Buộc chị Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Đ khởi kiện xin ly hôn anh Đinh Văn Q. Nơi cư trú: 22 đường C, phường P, thành phố Huế. Do đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Anh Đinh Văn Q đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Q.

[2] Về nội dung:

*[2.1]* Anh Đinh Văn Q và chị Nguyễn Thị Đ có quá trình chung sống với nhau, trên cơ sở tự nguyện, hai bên đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 09/9/2016 (số 69/ 2016). Như vậy, hôn nhân giữa anh Q và chị Đ là hợp pháp.

*[2.2]* Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Đ đối với anh Q, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo trình bày của chị Đ thì nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do anh Q không lo làm ăn, không quan tâm đến chị Đ, vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay là phù hợp với xác minh tại chính quyền địa phương phường P,

thành phố Huế xác nhận "*hiện nay chị Đ không còn chung sống với anh Q tại 22 đường C, phường P, thành phố Huế*". Như vậy, có cơ sở xác định đời sống chung hiện nay giữa anh Q và chị Đ không tồn tại.

Tại bản tự khai của anh Q ngày 21/5/2019 thể hiện anh không đồng ý ly hôn với chị Đ. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Toà án đã nhiều lần tống đạt giấy triệu tập, nhưng anh Q vẫn không đến Toà án để làm việc, hòa giải và không tham gia xét xử tại phiên tòa, không liên lạc với chị Đ là thể hiện sự bỏ mặc, không có thiện chí mong muốn để hòa giải đoàn tụ gia đình, nên mục đích hôn nhân là không thể đạt được.

Xét thấy hôn nhân giữa anh Q và chị Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không còn tồn tại trên thực tế, nên Hội đồng xét xử cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận đơn của chị Đ, cho chị Đ được ly hôn anh Q.

*[2.3]* Về con chung: Chị Đ xác định chị và anh Q không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

*[2.4]* Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ xác định chị và anh Q không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

*[2.5]* Về án phí: Chị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Bởi các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Đ đối với anh Đinh Văn Q về việc "Ly hôn".

Chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn anh Đinh Văn Q.

**2.** Về con chung: Chị Đ xác định chị và anh Q không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**3.** Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**4.** Về án phí:

Chị Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm gồm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên

lai thu số 006296 ngày 20/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Chị Đ đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- *TAND tỉnh TTHuế;*
- *VKSND thành phố Huế;*
- *Chi cục Thi hành án TP Huế;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, lưu dán.*

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Huế**

***Nơi nhận:***
- *TAND tỉnh TTHuế;*
- *VKSND thành phố Huế;*
- *Chi cục Thị hành án TP Huế;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, lưu dán.*

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Huế**